TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH** Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17-7-2024 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.
Ông Nguyễn Văn Xuôi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST -HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm: 1989 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Nơi đăng ký thường trú: tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: ngã 4, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Cao Tuấn S, sinh năm: 1985 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S là cháu Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 và cháu Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016 *(Cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-3-2024 và bản tự khai ngày 17-5-2024, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Cao Tuấn S đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang vào ngày 25-3-2013. Nữ trang cưới có 03 chỉ vàng 24K nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để lo làm ăn nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do thường xuyên cự cải, tính tình không hợp, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên vợ chồng tự sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Cao Tuấn S.

Về con chung: Bà và ông Cao Tuấn S có hai con chung là Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 và Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016. Thời gian vợ chồng ly thân, cháu P sống chung với bà, còn cháu M sống chung với ông S cho đến nay. Khi ly hôn, tùy hai con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, chưa đặt vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Cao Tuấn S không có tài sản chung, không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của bà và ông S, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, thì bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Bà cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 11-6-2024, bị đơn ông Cao Tuấn S trình bày:

Ông thống nhất các vấn đề theo nội dung đơn khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H đã trình bày. Nhưng ông xác định thời gian vợ chồng sống ly thân là từ năm 2021 đến nay. Nay về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà H. Con chung là Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 và Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016 muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định không có. Ông thống nhất với các chứng cứ bà H đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho ông được biết. Riêng ông không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 10 và ngày 12-6-2024, cháu Cao Ái P và cháu Cao Gia M cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Cao Tuấn S và Trần Thị Tuyết H. Hiện nay cháu P đang sống chung với mẹ, cháu M đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu P là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ và nguyện vọng của cháu M là muốn được tiếp tục sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Tuyết H, ông Cao Tuấn S và hai cháu Cao Ái P, Cao Gia M cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H: Công nhận bà H với ông Cao Tuấn S tự nguyện thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao cháu Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H, ông S chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Bà H và ông S không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét; Về nợ chung: Bà H và ông S cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị Tuyết H là nguyên đơn và ông Cao Tuấn S là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 17-7-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, nhưng bà H, ông S cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang vào ngày 25-3-2013, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân

hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 (theo bà H xác định), năm 2021 (theo ông S xác định) thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thường hay cự cải, không còn quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ đó cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng bà H và ông S đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã thông báo mời hòa giải vào ngày 12-6-2024 để bà H, ông S gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông S xin vắng mặt, còn bà H thì có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được.

[5] Ngày 01-7-2024, Tòa án tiến hành xác minh với chính quyền địa phương ấp số A, xã M, thì địa phương không nắm được mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng bà H, ông S, nhưng có biết họ đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay và bà H đã bỏ về ở bên nhà cha mẹ ruột mà không về lại cư trú tại ấp S lần nào nữa. Tại địa phương, vợ chồng họ không tranh chấp tài sản hay nợ chung gì với nhau hay với ai. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo luật định.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà H, ông S đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên bà H và ông S thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] *Về con chung*: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S có hai người con chung tên Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 và Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016, cháu P hiện đang sống chung với bà H và cháu M hiện đang sống chung với ông S. Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 10 và ngày 12-6-2024, cháu P nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ và cháu M nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Cả bà H, ông S đều thống nhất khi ly hôn tùy nguyện vọng của hai con muốn sống chung với cha hay mẹ đều được. Nên cần xử giao cháu P cho bà H được quyền nuôi dưỡng và giao cháu M cho ông S được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì bà H, ông S chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về nợ chung*: Do bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Do bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S tự nguyện thuận tình ly hôn, nên ông, bà chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

[11] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mục 11 Phần IV về tố tụng dân sự Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Ái P, sinh ngày 30-10-2013 cho bà Trần Thị Tuyết H tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung tên Cao Gia M, sinh ngày 11-4-2016 cho ông Cao Tuấn S tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu P là muốn được sống chung với mẹ và nguyện vọng của cháu M là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao T không có tranh chấp, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết H và ông Cao Tuấn S thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003334 ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Hoàn trả lại cho bà H 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ông Cao Tuấn S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo